

ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG THỐNG KÊ VIỆT NAM

Richard Roberts*

Lời tòa soạn: Thực hiện kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 (Quyết định số 415/QĐ-TCTK ngày 14/6/2010 của Tổng cục trưởng TCTK), Dự án Hỗ trợ Giám sát phát triển kinh tế-xã hội của TCTK hỗ trợ kỹ thuật cho hoạt động đánh giá Hệ thống thống kê Việt Nam. Theo đó Dự án đã mời chuyên gia độc lập trong nước và quốc tế tiến hành đánh giá “Hệ thống thống kê Việt Nam” theo khung đánh giá của IMF và các tiêu chuẩn đánh giá mở rộng khác. Các chuyên gia độc lập đã hoàn thành báo cáo đánh giá (14 báo cáo chi tiết cho từng lĩnh vực và 1 báo cáo tổng hợp chung). Ban biên tập trân trọng giới thiệu tới quý độc giả Báo cáo tóm tắt kết quả đánh giá Hệ thống thống kê Việt Nam. Ban biên tập mong nhận được các ý kiến đóng góp của quý độc giả.

I. Phần giới thiệu

1. Đây là báo cáo đánh giá về thực trạng Hệ thống thống kê Việt Nam. Báo cáo này là một phần của qui trình xây dựng Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Báo cáo đánh giá này sẽ là cơ sở để xây dựng tầm nhìn dài hạn (đến năm 2025), các mục tiêu và chiến lược cho giai đoạn 2011-2020, cũng như các kế hoạch hành động để đạt các mục tiêu đến năm 2020.

II. Khôn khổ thể chế

2. Trong những năm gần đây, vai trò và vị trí của Hệ thống thống kê Việt Nam đã ngày càng tăng lên, cho thấy công tác thống kê ngày càng trở nên quan trọng hơn.

3. Hệ thống thống kê Việt Nam bao gồm (a) Hệ thống thống kê nhà nước bao gồm hệ thống thống kê tập trung và hệ thống thống kê bộ ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, và (b) thống kê xã phường không thuộc hệ thống thống kê nhà nước nhưng do các cơ quan thẩm quyền ở xã phường quản lý và chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của

các Chi cục Thống kê. Hệ thống thống kê tập trung bao gồm TCTK, Cục Thống kê tỉnh và Chi cục thống kê.

4. Về quản lý hành chính, TCTK trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhưng về chuyên môn nghiệp vụ TCTK là một cơ quan độc lập hoạt động theo các qui định của Luật Thống kê. Có sự phân công trách nhiệm rất rõ ràng giữa TCTK và các đơn vị thể chế thuộc hệ thống thống kê Việt Nam.

5. Khi TCTK còn là cơ quan trực thuộc chính phủ, tính độc lập theo luật định của hoạt động thống kê được thể hiện tương đối rõ ràng. Nhưng hiện nay TCTK trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Trên thực tế, các hoạt động thống kê vẫn đảm bảo được tính độc lập theo luật định, nhưng việc để Tổng cục Thống kê là cơ quan trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư dễ gây cho người sử dụng số liệu và thông tin thống kê một cảm giác hoài nghi về tính độc lập cũng như độ tin cậy, tính chính xác của số liệu thống kê.

6. TCTK đã tập trung củng cố tổ chức thống kê thông qua việc ban hành nhiều văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCTK và các đơn vị trực thuộc (văn bản mới nhất được ban hành năm 2010), của các bộ và cơ quan ngang bộ. Mặc dù vị thế của thống kê bộ ngành đã được tăng cường nhưng thống kê bộ ngành vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu quản lý cũng như nhu cầu số liệu của các đối tượng dùng tin, thí dụ như các bộ ngành chưa sản xuất và phổ biến đầy đủ thông tin đáp ứng nhu cầu của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và vẫn còn có sự chênh lệch số liệu cho cùng một loại số liệu giữa các cơ quan thống kê. Một số bộ ngành vẫn chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê.

7. Việc thống kê xã, phường, thị trấn, các đơn vị hành chính sự nghiệp không thuộc hệ thống thống kê nhà nước mà chịu sự quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân xã, phường đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động thống kê của xã, phường. Xã phường là nơi phát sinh rất nhiều thông tin ban đầu về đời sống kinh tế xã - hội làm cơ sở để tổng hợp thành các chỉ

* Chuyên gia quốc tế

tiêu thống kê ở cấp cao hơn. Cấp xã có hệ thống ghi chép hành chính khá phong phú. Ngoài ra, cấp xã cũng là một cấp quản lý kinh tế - xã hội và quản lý hành chính nhà nước mang tính toàn diện về các mặt nên cũng rất cần thông tin. Việc cấp xã không cung cấp đủ thông tin phục vụ công tác quản lý cũng gây hạn chế cho việc tổng hợp thông tin ở cấp trên.

III. Cơ cấu tổ chức

8. Hệ thống thống kê tập trung được tổ chức theo ngành dọc bao gồm TCTK, các Cục Thống kê cấp tỉnh và các Chi cục Thống kê và có phạm vi hoạt động bao trùm toàn bộ các lĩnh vực kinh tế- xã hội. Việc tổ chức như vậy bảo đảm quản lý công tác thống kê thống nhất từ trung ương đến địa phương và cũng hỗ trợ cho nhu cầu thông tin của các cấp quản lý hành chính khác nhau trên cả nước.

9. TCTK và các bộ ngành phối hợp chặt chẽ với nhau để xây dựng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và nguồn nhân lực của các tổ chức thống kê bộ ngành. Nhiều bộ ngành đang hoàn thiện tổ chức thống kê nhằm đẩy mạnh công tác sản xuất số liệu thống kê. Tuy nhiên, mặc dù tổ chức thống kê của các bộ đã có những tiến bộ nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu củng cố và phát triển công tác thống kê nói chung cũng như công tác thống kê của bộ ngành nói riêng.

10. Theo quy định, các bộ ngành phải có Phòng Thống kê. Một số bộ ngành đã thành lập được Phòng Thống kê nhưng một số Bộ, ngành còn lại có tổ chức thống kê phân tán hoặc tổ chức thống kê tập trung trong các Vụ nghiệp vụ, chẳng hạn như Vụ Kế hoạch hoặc Văn phòng. Một số bộ ngành đã dự thảo hoặc đã ban hành chức năng, nhiệm vụ cho các tổ chức thống kê đáp ứng yêu cầu quản lý của lãnh đạo Bộ, ngành và yêu cầu thông tin của tổ chức thống kê tập trung. Cơ cấu tổ chức chưa hoàn thiện cũng là nguyên nhân của việc thiếu đội ngũ cán bộ thống kê ở các Bộ ngành.

11. Thống kê tại các Sở, ngành cấp tỉnh cũng gặp những khó khăn tương tự. Tổ chức thống kê của các Sở, ngành cấp tỉnh chưa đáp ứng tốt công tác thống kê. Lãnh đạo của một số đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác thống kê cũng như tổ chức thống kê tại Sở ban ngành. Vẫn tồn tại sự chông chéo trong trách nhiệm giữa các Sở ban ngành và Cục Thống kê.

12. Cục Thống kê tội phạm quản lý toàn bộ hệ

thống Thống kê của Viện kiểm sát nhân dân và của Kiểm sát quân sự. Mô hình này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thống kê thống nhất từ dưới lên trên.

13. Tổ chức lực lượng làm công tác Thống kê cấp xã hiện nay còn nhiều bất cập chủ yếu do các vấn đề có liên quan đến nhân sự và ngân sách.

IV. Môi trường pháp lý

14. Luật Thống kê có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2004. Đây là cơ sở cho việc xây dựng các văn bản dưới Luật Thống kê. Nhiều văn bản dưới luật đã được ban hành. Luật Thống kê và các văn bản pháp luật là một cấu thành pháp lý cho công tác thống kê ở Việt Nam và đã đáp ứng được phần lớn các yêu cầu của quá trình phát triển và hoạt động của hệ thống thống kê Việt Nam.

15. Luật Thống kê rất tương thích với mô hình Luật thống kê do Bộ phận Thống kê Liên Hợp quốc ban hành. Các vấn đề như tổ chức, các nguyên tắc, trách nhiệm của các đối tượng tham gia vào các hoạt động thống kê, quyền sử dụng số liệu thống kê, tính bảo mật của thông tin và các hình thức xử phạt đều được đề cập đến trong mô hình luật thống kê của Liên hợp quốc cũng như Luật Thống kê của Việt Nam. Một vấn đề chính trong mô hình luật thống kê của Liên hợp quốc chưa được đưa vào trong Luật Thống kê của Việt Nam chính là việc thành lập một Hội đồng thống kê quốc gia để tư vấn cho việc xây dựng và thực hiện chương trình thống kê. Luật Thống kê Việt Nam chủ yếu đề cập đến các nguyên tắc cơ bản của số liệu thống kê chính thống do Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc xây dựng.

16. Luật Thống kê Việt Nam cũng bộc lộ một số thiếu sót cơ bản như một số văn bản pháp lý về thống kê được ban hành trước khi Luật Thống kê ra đời đến nay vẫn còn hiệu lực bởi chưa có văn bản mới thay thế, một số văn bản còn chông chéo và thậm chí trái ngược nhau; một số văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Thống kê chưa được ban hành theo đúng thời gian quy định hoặc phạm vi chưa đủ rộng như cần có; Gánh nặng cung cấp thông tin cũng chưa được xem xét kỹ lưỡng. Khi Luật Thống kê ra đời vào năm 2003, Tổng cục Thống kê vẫn còn là một cơ quan trực thuộc chính phủ nhưng kể từ năm 2007, Tổng cục Thống kê lại đặt dưới sự quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên một số quyền hạn nêu ra trong Luật Thống kê và một

số văn bản pháp lý khác trở nên lạc hậu; hoạt động thống kê của một số đơn vị chưa được qui định bao gồm thống kê xã, phường, thị trấn; thống kê doanh nghiệp; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và thống kê tổng hợp của các sở, ban ngành cấp tỉnh.

17. Ý thức chấp hành Luật Thống kê và các văn bản luật có liên quan vẫn còn hạn chế. Chưa có chương trình cụ thể để phổ biến thông tin về Luật Thống kê. Việc chấp hành Luật Thống kê chưa được nghiêm chỉnh ở tất cả các công đoạn của hoạt động thống kê.

V. Yêu cầu tiên quyết về chất lượng số liệu và bảo đảm tính thống nhất của số liệu

18. Khung đánh giá chất lượng số liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF đã được sử dụng để đánh giá Hệ thống thống kê Việt Nam. Năm nhóm chuyên ngành thống kê đã được chọn để đánh giá bằng Khung đánh giá chất lượng số liệu, bao gồm Tài khoản quốc gia; Công nghiệp, xây dựng, Thương mại, Giá cả; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản; Dân số, lao động và Giới; Y tế, Giáo dục và Môi trường. Một số kết quả đánh giá chất lượng số liệu tập trung đánh giá tính phù hợp, quản lý chất lượng, tính chuyên môn, tính minh bạch và các tiêu chuẩn đạo đức cho toàn bộ hệ thống thống kê Việt Nam và sẽ được trình bày ngay dưới phần này. Một số nhận xét cụ thể cho từng đánh giá theo nhóm sẽ được trình bày ở các phần sau.

A. Tính phù hợp - Số liệu thống kê phải cung cấp thông tin về lĩnh vực chuyên ngành mà người dùng tin quan tâm

19. Tính phù hợp của các số liệu thống kê so với nhu cầu của người dùng tin được duy trì qua các hoạt động cụ thể của Tổng cục Thống kê (Điều tra nhu cầu người dùng tin tiến hành năm 2008, các cuộc họp báo, trả lời phỏng vấn trên các phương tiện báo chí và truyền hình, các cuộc hội thảo và các hình thức khác). Những hoạt động thuộc dạng này được tiến hành cho tất cả các lĩnh vực thống kê thuộc phạm vi trách nhiệm của TCTK và giúp TCTK phần nào, chứ chưa phải là toàn diện, đánh giá được tính phù hợp của các số liệu thống kê do TCTK sản xuất ra.

B. Quản lý chất lượng số liệu thống kê- Chất lượng là yếu tố then chốt của hoạt động thống kê

20. TCTK luôn nhận thức được yêu cầu cần nâng cao chất lượng số liệu thống kê. TCTK đã tổ chức được các chương trình đào tạo cho cán bộ thống kê về chất

lượng số liệu và các phương pháp đảm bảo chất lượng số liệu. Tuy nhiên, TCTK chưa xây dựng được một đơn vị phụ trách theo dõi và quản lý chất lượng số liệu. TCTK và các bộ ngành cũng chưa có các biện pháp cụ thể để thực hiện chương trình duy trì chất lượng số liệu.

C. Tính chuyên môn - Các chính sách và các hoạt động thống kê phải dựa trên các nguyên tắc chuyên môn

21. Tính chuyên môn của hoạt động thống kê trước hết được đảm bảo bằng Luật Thống kê. Luật Thống kê của Việt Nam đã bao quát gần như đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của số liệu thống kê chính thống do Liên Hợp quốc xây dựng. Tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ cũng được đảm bảo bằng Luật. Luật Thống kê nghiêm cấm một số hành vi để bảo đảm tính chuyên môn của hoạt động thống kê. Trong công tác thống kê, các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc Chính phủ hoạt động dưới sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ và sự giám sát của TCTK.

22. Nhiều nghị định và quyết định đã được ban hành sau khi Luật Thống kê ra đời (thí dụ như quyết định về Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và chế độ báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho bộ ngành). Các nghị định và quyết định này được ban hành nhằm hỗ trợ cho các quyết định mang tính chuyên môn nghiệp vụ.

23. TCTK có trách nhiệm đưa ý kiến phản hồi và làm việc trực tiếp với người dùng tin để giải thích cho việc hiểu sai hoặc sử dụng sai các chỉ tiêu thống kê nhằm giúp các đối tượng dùng tin hiểu đúng về số liệu thống kê.

24. Cũng có một số quan ngại về tính chuyên môn và độc lập do có sự can thiệp chính trị đối với các số liệu thống kê nhất là ở cấp tỉnh, và Tổng cục trưởng TCTK không phải do Quốc hội bổ nhiệm. Việc TCTK sát nhập vào Bộ KH&ĐT cũng có thể làm giảm tính độc lập và khách quan của số liệu thống kê. Tính độc lập thống kê của các số liệu thống kê tài chính cũng được xem là một thách thức đối với hệ thống thống kê Việt Nam.

D. Tính minh bạch- Các chính sách và hoạt động thống kê phải minh bạch

25. Theo Luật Thống kê, số liệu thống kê phải bảo đảm tính minh bạch. Luật Thống kê đã được công bố trên trang web của TCTK. Chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn và cơ cấu tổ chức của TCTK cũng được phổ biến trên trang web này.

26. Các xuất bản phẩm thống kê và trang web của TCTK cung cấp thông tin về nguồn số liệu, các khái niệm, định nghĩa và phương pháp tính (nếu có) và thông tin về các điều khoản và điều kiện để tính toán và phổ biến các số liệu thống kê. Tính minh bạch cũng được thể hiện qua việc TCTK luôn tích cực tham vấn các bộ, ngành, các chuyên gia có kinh nghiệm quốc tế và các tỉnh.

27. Luật Thống kê đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận và sử dụng các thông tin thống kê nhà nước đã được công bố. Tuy nhiên, trên thực tế, chính phủ có thể tiếp cận được với số liệu trước khi chúng được công bố.

28. TCTK tổ chức các cuộc họp báo để công bố số liệu thống kê kinh tế-xã hội đến các đối tượng dùng tin. Các xuất bản phẩm của TCTK cũng công bố những loại số liệu này. Ngoài ra, các vấn đề có liên quan đến thay đổi phương pháp luận đều được thử nghiệm và thông báo cho công chúng trong các xuất bản phẩm trước khi đưa vào áp dụng.

E. Các tiêu chuẩn đạo đức- Các chính sách và hoạt động thống kê phải dựa trên các tiêu chuẩn đạo đức

29. Người làm công tác thống kê bắt buộc phải tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức khi thực thi nhiệm vụ. Đã có các hướng dẫn về hành vi của cán bộ thống kê và các cán bộ thống kê đều biết đến các tiêu chuẩn này. Các công chức thống kê phải tuân theo Luật Cán bộ công chức.

30. Luật Thống kê cũng yêu cầu cán bộ thống kê phải đáp ứng được các tiêu chuẩn về phẩm chất, tính độc lập, chuyên môn nghiệp vụ và hành vi ứng xử. Để các cán bộ thống kê có thể đáp ứng được những yêu cầu đó, các cán bộ thống kê mới được tuyển dụng đều được đào tạo về thống kê, Luật cán bộ công chức và Luật Thống kê.

VI. Số liệu thống kê về Tài khoản quốc gia và Tài chính

31. Dưới đây là một số nhận xét cụ thể cho nhóm đánh giá này:

a) TCTK chịu trách nhiệm tính toán số liệu thống kê tài khoản quốc gia. TCTK sử dụng số liệu từ các vụ chuyên ngành, các Cục Thống kê và các bộ ngành để biên soạn. Số liệu thống kê về tài khoản quốc gia được

chia sẻ và có sự phối hợp giữa TCTK và Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNNVN). Bộ Tài chính và NHNNVN chịu trách nhiệm tính toán các chỉ tiêu tài chính và tiền tệ.

b) Cơ cấu tổ chức của TCTK chưa hoàn toàn phù hợp cho việc tính toán tài khoản quốc gia và đó là một nguyên nhân dẫn đến yếu kém của mảng số liệu này.

c) Vẫn còn tình trạng thiếu cán bộ thống kê, năng lực và trình độ của cán bộ vẫn còn nhiều hạn chế nhất là các cán bộ làm công tác tài khoản quốc gia ở các tỉnh. Không có kinh phí để rà soát lại nguồn số liệu, tổng hợp số liệu, phân tích, viết báo cáo và phổ biến số liệu thống kê tài khoản quốc gia cũng như cập nhật các đơn vị điều tra. Do nguồn kinh phí hạn hẹp nên một số hệ số sử dụng cho việc tính toán hệ thống tài khoản quốc gia chưa được cập nhật thường xuyên.

d) Thông qua các hoạt động cụ thể của mình (Điều tra nhu cầu người dùng tin năm 2008, họp báo và các hình thức khác), TCTK biết được tính phù hợp của các số liệu thống kê tài khoản quốc gia so với yêu cầu của người dùng tin.

e) Nhìn chung, TCTK đã đạt được mức 4 so với 5 mức của hệ thống tài khoản quốc gia 1993. Trên thực tế, vẫn còn một số mặt chưa theo SNA 1993.

f) Các khái niệm, định nghĩa, phân loại và phạm vi đã tuân theo SNA 1993 nhưng vẫn còn một số chỗ chưa thống nhất trong khái niệm và định nghĩa.

g) Vẫn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm hơn nữa để cải thiện tính chính xác của số liệu tài khoản quốc gia. Số liệu về tài chính, ngân hàng, đối ngoại và một phần của khu vực sản xuất vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của GDDS, bao gồm các chỉ tiêu như vị thế đầu tư quốc tế, nợ nước ngoài....

h) Số liệu nguồn được thu thập từ các cuộc điều tra thống kê quốc gia và từ báo cáo hành chính của Bộ Tài chính nhưng số liệu nguồn cũng có những hạn chế nhất định về chất lượng.

i) Mặc dù các kỹ thuật được dùng để tính toán tài khoản quốc gia là đầy đủ và phù hợp nhưng vẫn có những điểm khác so với chuẩn mực và vẫn tồn tại một số hạn chế trong tính toán chỉ tiêu GDP.

j) Tính định kỳ và tính kịp thời của số liệu thống kê tài khoản quốc gia và tài chính đã đáp ứng được các tiêu chuẩn của GDDS.

VII. Số liệu thống kê công nghiệp, xây dựng và thương mại

32. Dưới đây là một số nhận xét cụ thể cho nhóm đánh giá này:

a) Phạm vi đầy đủ của nhóm này bao gồm số liệu thống kê công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, và giá cả.

b) Các chuẩn mực quốc tế đã được áp dụng, thí dụ số liệu thống kê về giá, nhất là chỉ số giá tiêu dùng (CPI), xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ, thống kê du lịch, công nghệ thông tin truyền thông (ICT) và chỉ số sản xuất công nghiệp đã áp dụng các chuẩn mực quốc tế.

c) Chế độ báo cáo áp dụng cho thống kê công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, và giá cả đã rất lạc hậu. Nội dung của chúng không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế hiện nay.

d) Trong những năm vừa qua, TCTK đã chuyển cách thức thu thập số liệu từ chế độ báo cáo thống kê định kỳ (được xem là phù hợp với nền kinh tế quản lý tập trung) sang tiến hành các cuộc điều tra, là một phương thức phù hợp để phản ánh những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thị trường, nhất là của khu vực kinh tế ngoài nhà nước.

e) Số liệu nguồn về doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể thu thập từ các cuộc điều tra đã được cải tiến. TCTK đã thu thập thông tin từ các báo cáo hành chính dựa trên chế độ báo cáo thống kê và các mối quan hệ hợp tác trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, vẫn còn có nhiều bất cập về tính kịp thời, mức độ chi tiết và tính chính xác của số liệu.

f) Chất lượng số liệu thu thập từ các cuộc điều tra doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể hàng năm chưa cao. Phương án điều tra không còn phù hợp nữa do có sự thay đổi trong cơ cấu của nền kinh tế. Một vấn đề nữa là các phương án điều tra của TCTK chỉ cho phép chọn mẫu đại diện đến cấp tỉnh trong khi các địa phương rất cần số liệu đến cấp quận huyện.

g) Nhìn chung, các Cục Thống kê đều gặp khó khăn trong các cuộc điều tra về giá ngoại trừ điều tra chỉ số giá tiêu dùng. Do đó rất khó đảm bảo chất lượng số liệu thống kê về giá.

h) Trong những năm gần đây, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin và tuyến thông, các số liệu thô (số liệu vi mô) của các cuộc điều tra lớn của hệ thống

thống kê đã được lưu giữ tại TCTK như là cơ sở để TCTK kiểm tra tính chính xác của chất lượng số liệu.

i) Các báo cáo tháng và quý đã đáp ứng được yêu cầu về mặt thời gian (thí dụ như chỉ số giá tiêu dùng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, giá trị của các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu, giá trị sản xuất công nghiệp và chỉ số sản xuất công nghiệp).

VIII. Số liệu thống kê nông lâm nghiệp và thủy sản

a) Trong lĩnh vực Nông, lâm, thủy sản, trách nhiệm được chia sẻ giữa TCTK và Bộ Nông nghiệp (MARD).

b) Sự phối hợp giữa TCTK và MARD được duy trì liên tục nhằm tăng cường sự hợp tác và chia sẻ thông tin.

c) Chỉ có các cuộc điều tra đặc biệt được lên kế hoạch vào đầu năm nhằm thu thập các thông tin cần thiết được cấp ngân sách. Tương tự, không có ngân sách cho các cuộc điều tra thống kê tại các sở nông nghiệp và phát triển nông thôn. Thiếu các chuyên gia chọn mẫu và thiết kế bảng hỏi cho các điều tra chọn mẫu trong lĩnh vực thống kê Nông, lâm, thủy sản.

d) Liên hệ với người dùng tin được duy trì để đảm bảo việc thu thập số liệu (từ CSS và bộ (Bộ NN và Bộ tài nguyên môi trường) phù hợp với nhu cầu của người dùng tin.

e) Số liệu tuân theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

f) Số liệu từ các nguồn khác nhau (điều tra, tổng điều tra và hệ thống báo cáo cơ bản) không thống nhất.

g) Các cuộc điều tra có các quá trình quản lý phù hợp, phương án điều tra cho lĩnh vực nông, lâm, thủy sản được cập nhật vào năm 2008 nhằm phản ánh tình hình sản xuất nông nghiệp.

h) chế độ báo cáo thống kê tổng hợp đối với thống kê nông, lâm và thủy sản đã được cải tiến, việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê khá tốt; hệ thống chỉ tiêu được thu thập toàn diện và bao gồm thông tin cơ bản để đáp ứng nhu cầu thông tin của nhiều người dùng tin.

i) Nhìn chung, thống kê Nông, lâm, thủy sản có độ tin cậy ngày càng cao và cơ bản mô tả xu hướng và tình hình thực tiễn của ngành. Mặc dù vậy số liệu thống kê có một số vấn đề như một số chỉ tiêu không thống nhất giữa cấp trung ương, cấp tỉnh và

cấp huyện.

j) Thống kê Nông, lâm, thủy sản khá hạn chế về tính kịp thời ở một số mặt.

k) Thống kê Nông, lâm và thủy sản thống nhất trong từng lĩnh vực đặc biệt cũng như với số liệu của các lĩnh vực nghiệp vụ khác và số liệu tổng hợp của toàn bộ nền kinh tế.

IX. Số liệu thống kê Dân số, Lao động và Giới

33. Một số quan sát liên quan đến đánh giá về nhóm này:

a) Trong lĩnh vực Dân số, Lao động và Giới (DS, LĐ &G) TCTK có trách nhiệm chính trong số các bên tham gia như Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ LĐ, TB & XH, Toà án Nhân dân Tối cao, Ủy ban TW Đảng, Văn phòng Quốc hội và Cơ quan TW của tổ chức Chính trị Xã hội.

b) Số liệu Tổng điều tra Dân số và Nhà ở đã có sự chia sẻ số liệu nhiều, có sự tham gia của Ban Chỉ đạo gồm một số bộ ngành; xảy ra hiện tượng chồng chéo giữa các Bộ trong việc thu thập số liệu ở cấp xã.

c) Điều tra biến động dân số và điều tra lực lượng lao động được ngân sách nhà nước tài trợ. Có đội ngũ cán bộ tương đối đầy đủ để sản xuất số liệu thống kê DS, LĐ &G.

d) Số liệu thống kê DS, LĐ &G đáp ứng tương đối tốt nhu cầu của người dùng tin; TCTK tham vấn với người dùng tin (Bộ LĐ, TB & XH, Tổng cục Dân số và các nhóm dùng tin khác) để thay đổi các chỉ tiêu DS, LĐ &G phù hợp với những điều kiện hoàn cảnh thay đổi.

e) Các khái niệm cơ bản, định nghĩa, bảng phân ngành và phạm vi số liệu thống kê dân số và lao động tuân theo những tiêu chuẩn quốc tế mặc dù những khu vực thành thị được dựa trên những quyết định hành chính chứ không phải các định nghĩa quốc tế.

f) Chất lượng số liệu của hồ sơ hành chính (cho số liệu DS, LĐ &G) bị hạn chế; số liệu về dân số, sinh, tử, di cư bị ước tính thiếu; điều tra dân số là nguồn số liệu đáng tin cậy hơn và có chất lượng cao.

g) Những cuộc điều tra gồm cả tổng điều tra được tiến hành tương đối tốt.

h) Tần suất công bố số liệu dân số và lao động tuân theo GDDS.

i) Tính kịp thời của số liệu chính thức không được đảm bảo mặc dù đã có những nỗ lực để đảm bảo

tính kịp thời, ví dụ như sử dụng công nghệ quét (scanner) để nhập liệu.

X. Số liệu thống kê Y tế, Giáo dục và Môi trường

34. Một số quan sát liên quan đến đánh giá về nhóm này:

a) Phạm vi đầy đủ của nhóm này gồm giáo dục và đào tạo; y tế và chăm sóc sức khỏe; văn hóa, thể thao và du lịch; khoa học và công nghệ; bảo vệ môi trường; và công bằng, an toàn và trật tự xã hội (HEE). Tất cả các bộ ngành và cơ quan liên quan đều tham gia vào công tác thống kê này.

b) Một số bộ đã thực hiện việc chia sẻ số liệu cần thiết theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (NSIS); các bộ ngành khác chưa thực hiện. Toà án Nhân dân Tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao không cung cấp số liệu cho TCTK vì chưa có cơ chế chia sẻ thông tin.

c) Nhìn chung, ngân sách không đủ để đáp ứng nhu cầu. Thiếu cán bộ ở cấp tỉnh và cấp huyện. Hầu hết cán bộ có bằng cử nhân hoặc chuyên nghiệp, được đào tạo hoặc đào tạo lại về thống kê, có kinh nghiệm thực tế về công tác thống kê và là cán bộ công chức.

d) Các chỉ tiêu thống kê về HEE tuân theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn, bảng phân ngành và thông lệ tốt nhất được thế giới công nhận.

e) TCTK thu thập số liệu HEE qua 2 kênh: (i) từ các bộ ngành và (ii) báo cáo của các Cục Thống kê. Việc tồn tại 2 kênh thông tin như trên dẫn đến sự trùng lặp và chênh lệch số liệu bởi vì thời gian báo cáo khác nhau. Báo cáo của các bộ ngành thường chậm; để có số liệu kịp thời TCTK phải sử dụng kênh thông tin từ các Cục Thống kê.

f) Thực hiện cơ chế báo cáo thống kê tổng hợp áp dụng cho các bộ ngành là không đủ và chất lượng số liệu không tốt.

g) Số liệu thống kê HEE được phổ biến thường xuyên theo yêu cầu của NSIS và GDDS.

h) Một số vấn đề cần được giải quyết để cải thiện tính kịp thời của số liệu giáo dục, y tế, văn hóa, thông tin và truyền thông.

i) Số liệu của hai nguồn (các bộ ngành và các Cục Thống kê) không nhất quán.